

## XVIII. ĐIỆN QUANG

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
		3			
1	2	A	B	C	D
	<b>A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN</b>				
	<b>1. Siêu âm đầu, cổ</b>				
1.	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
2.	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x	
3.	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	x	x		
4.	Siêu âm hạch vùng cổ	x	x		
5.	Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp	x			
6.	Siêu âm hóc mắt	x	x		
7.	Siêu âm qua thóp	x	x		
8.	Siêu âm nhãn cầu	x	x		
9.	Siêu âm Doppler hóc mắt	x	x		
10.	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	x	x		
	<b>2. Siêu âm vùng ngực</b>				
11.	Siêu âm màng phổi	x	x		
12.	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	x	x		
13.	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	x	x		
14.	Siêu âm qua thực quản	x			
	<b>3. Siêu âm ổ bụng</b>				
15.	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	
16.	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	
17.	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng	x	x		
18.	Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x	
19.	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	x	x		
20.	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x	
21.	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	x	x		
22.	Siêu âm Doppler gan lách	x	x		
23.	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	x	x		
24.	Siêu âm Doppler động mạch thận	x	x		
25.	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	x	x		
26.	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	x	x		
27.	Siêu âm 3D/4D khối u	x	x		
28.	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
29.	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	x	x		
	<b>4. Siêu âm sản phụ khoa</b>				
30.	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	x	x	
31.	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	x	x	x	

32.	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	x	x		
33.	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	x	x		
34.	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x	
35.	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x	
36.	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x	
37.	Siêu âm Doppler động mạch tử cung	x	x		
38.	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu	x	x		
39.	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa	x	x		
40.	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối	x	x		
41.	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
42.	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	x	x		
	<b>5. Siêu âm cơ xương khớp</b>				
43.	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	x	x		
44.	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	x	x		
	<b>6. Siêu âm tim, mạch máu</b>				
45.	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	x	x		
46.	Siêu âm cầu nối động mạch tĩnh mạch	x			
47.	Siêu âm nội mạch	x			
48.	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ	x	x		
49.	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	x	x		
50.	Siêu âm tim, màng tim qua thực quản	x			
51.	Siêu âm tim, mạch máu có cản âm	x			
52.	Siêu âm Doppler tim, van tim	x	x		
53.	Siêu âm 3D/4D tim	x	x		
	<b>7. Siêu âm vú</b>				
54.	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x		
55.	Siêu âm Doppler tuyến vú	x	x		
56.	Siêu âm đàn hồi mô vú	x			
	<b>8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam</b>				
57.	Siêu tinh hoàn hai bên	x	x		
58.	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	x	x		
59.	Siêu âm dương vật	x	x		
60.	Siêu âm Doppler dương vật	x			
	<b>9. Siêu âm với kỹ thuật đặc biệt</b>				
61.	Siêu âm trong mô	x	x		
62.	Siêu âm nội soi	x			
63.	Siêu âm có chất tương phản	x			
64.	Sinh thiết tiền liệt tuyến qua siêu âm nội soi đường trực tràng	x			
65.	Siêu âm đàn hồi mô (gan, tuyến vú...)	x			
66.	Siêu âm 3D/4D trực tràng	x			
	<b>B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)</b>				
	<b>1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy</b>				
67.	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x

68.	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	x
69.	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao	x	x	x	x
70.	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	x	x	x
71.	Chụp Xquang hóc mắt thẳng nghiêng	x	x	x	
72.	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x
73.	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	x
74.	Chụp Xquang hàm chéch một bên	x	x	x	
75.	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x	x	x	
76.	Chụp Xquang hồ yên thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
77.	Chụp Xquang Chausse III	x	x	x	
78.	Chụp Xquang Schuller	x	x	x	
79.	Chụp Xquang Stenvers	x	x	x	
80.	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x	
81.	Chụp Xquang răng cận chóp (Periapical)	x	x	x	x
82.	Chụp Xquang răng cánh cắn (Bite wing)	x	x	x	
83.	Chụp Xquang răng toàn cảnh	x	x		
84.	Chụp Xquang phim cắn (Occlusal)	x	x	x	
85.	Chụp Xquang mỏm trâm	x	x	x	
86.	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x
87.	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên	x	x	x	
88.	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	x	x	x	
89.	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x	
90.	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch	x	x	x	x
91.	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x
92.	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên	x	x	x	x
93.	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	x
94.	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn	x	x	x	
95.	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x	x	x	
96.	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x	
97.	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên	x	x	x	
98.	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x
99.	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch	x	x	x	x
100.	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x
101.	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéch	x	x	x	
102.	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x
103.	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
104.	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch	x	x	x	x
105.	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x
106.	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
107.	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéch	x	x	x	x
108.	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéch	x	x	x	x

109.	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x
110.	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
111.	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x
112.	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
113.	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	
114.	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x
115.	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
116.	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
117.	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x
118.	Chụp Xquang toàn bộ chi dưới thẳng	x	x		
119.	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x
120.	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên	x	x	x	x
121.	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x	
122.	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chéo	x	x	x	
123.	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	x
124.	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng	x	x	x	x
125.	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
126.	Chụp Xquang tuyến vú	x	x		
127.	Chụp Xquang tại giường	x	x	x	
128.	Chụp Xquang tại phòng mổ	x	x	x	
129.	Chụp Xquang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric)	x	x		
	<b>2. Chụp Xquang chẩn đoán có chuẩn bị</b>				
130.	Chụp Xquang thực quản dạ dày	x	x		
131.	Chụp Xquang ruột non	x	x		
132.	Chụp Xquang đại tràng	x	x		
133.	Chụp Xquang đường mật qua Kehr	x	x	x	
134.	Chụp Xquang mật tụy ngược dòng qua nội soi	x	x		
135.	Chụp Xquang đường dò	x	x		
136.	Chụp Xquang tuyến nước bọt	x	x		
137.	Chụp Xquang tuyến lệ	x	x		
138.	Chụp Xquang tử cung vòi trứng	x	x		
139.	Chụp Xquang ống tuyến sữa	x	x		
140.	Chụp Xquang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	x	x		
141.	Chụp Xquang bể thận-niệu quản xuôi dòng	x	x		
142.	Chụp Xquang niệu quản-bể thận ngược dòng	x	x		
143.	Chụp Xquang niệu đạo bàng quang ngược dòng	x	x		
144.	Chụp Xquang bàng quang trên xương mu	x	x		
145.	Chụp Xquang động mạch tạng	x	x		
146.	Chụp Xquang động mạch chi	x	x		
147.	Chụp Xquang động mạch vành	x	x		
148.	Chụp Xquang bao rãnh thần kinh	x	x		
	<b>C. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH CHẨN ĐOÁN (CT)</b>				

	<b>1. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 1-32 dãy</b>				
149.	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
150.	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
151.	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x		
152.	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	x	x		
153.	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
154.	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x		
155.	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
156.	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
157.	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa	x	x		
158.	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	x	x		
159.	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
160.	Chụp CLVT hốc mắt	x	x	x	
161.	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x		
162.	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên (Cone-Beam CT)	x	x		
163.	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm dưới (Cone-Beam CT)	x	x		
164.	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên hàm dưới (Cone-Beam CT)	x	x		
	<b>2. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ 64-128 dãy</b>				
165.	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x		
166.	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x		
167.	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x		
168.	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	x	x		
169.	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
170.	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x		
171.	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x		
172.	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x		
173.	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa	x	x		
174.	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	x	x		
175.	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
176.	Chụp CLVT hốc mắt	x	x		
177.	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x		
	<b>3. Chụp cắt lớp vi tính vùng đầu mặt cổ từ ≥ 256 dãy</b>				
178.	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang	x	x		
179.	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang	x	x		
180.	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang	x	x		
181.	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion)	x	x		

182.	Chụp CLVT mạch máu não	x	x		
183.	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D	x	x		
184.	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang	x	x		
185.	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang	x	x		
186.	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa	x	x		
187.	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc	x	x		
188.	Chụp CLVT tai-xương đá có tiêm thuốc cản quang	x	x		
189.	Chụp CLVT hốc mắt	x	x		
190.	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D	x	x		
	<b>4. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 1- 32 dãy</b>				
191.	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
192.	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
193.	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x	x	
194.	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x	x	
195.	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản	x	x		
196.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x		
197.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		
198.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim	x	x		
199.	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành	x	x		
	<b>5. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ 64-128 dãy</b>				
200.	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
201.	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
202.	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x		
203.	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x		
204.	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản	x	x		
205.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x		
206.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		
207.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim	x	x		
208.	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành	x	x		
	<b>6. Chụp cắt lớp vi tính vùng ngực từ <math>\geq</math> 256 dãy</b>				
209.	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
210.	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
211.	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	x	x		
212.	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	x	x		
213.	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản	x	x		
214.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi	x	x		

215.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực	x	x		
216.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim có dùng thuốc beta block	x	x		
217.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim không dùng thuốc beta block	x	x		
218.	Chụp cắt lớp vi tính tĩnh mạch vành	x	x		
	<b>7. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 1-32 dãy</b>				
219.	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)	x	x	x	
220.	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy	x	x	x	
221.	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	x	x	x	
222.	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x	x	
223.	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
224.	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x		
225.	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	x	x		
226.	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)	x	x		
227.	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x		
228.	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	x	x		
229.	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x		
230.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu	x	x		
	<b>8. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ 64-128 dãy</b>				
231.	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)	x	x		
232.	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy	x	x		
233.	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	x	x		
234.	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x		
235.	Chụp cắt lớp vi tính tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
236.	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x		
237.	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	x	x		

238.	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)	x	x		
239.	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x		
240.	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	x	x		
241.	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x		
242.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu	x	x		
	<b>9. Chụp cắt lớp vi tính vùng bụng, tiểu khung từ ≥ 256 dãy</b>				
243.	Chụp cắt lớp vi tính tạng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp Cắt lớp vi tính gan-mật, tụy, lách, dạ dày-tá tràng.v.v.)	x	x		
244.	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy	x	x		
245.	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	x	x		
246.	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy	x	x		
247.	Chụp cắt lớp vi tính tạng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
248.	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất	x	x		
249.	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật	x	x		
250.	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion)	x	x		
251.	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde	x	x		
252.	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde	x	x		
253.	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo	x	x		
254.	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ-chậu	x	x		
	<b>10. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 1-32 dãy</b>				
255.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
256.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
257.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
258.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
259.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x	x	
260.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc	x	x	x	



	cản quang				
261.	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x		
262.	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x		
263.	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp	x			
264.	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x		
265.	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x		
266.	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x		
267.	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x		
	<b>11. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ 64-128 dãy</b>				
268.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x		
269.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x		
270.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang	x	x		
271.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
272.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x		
273.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	x	x		
274.	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x		
275.	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x		
276.	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp	x			
277.	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x		
278.	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x		
279.	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân	x	x		
280.	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x		
281.	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x		
	<b>12. Chụp cắt lớp vi tính cột sống, xương khớp từ ≥256 dãy</b>				
282.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang	x	x		
283.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang	x	x		
284.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc	x	x		

	cản quang				
285.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
286.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang	x	x		
287.	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang	x	x		
288.	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang	x	x		
289.	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang	x	x		
290.	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp	x			
291.	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang	x	x		
292.	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang	x	x		
293.	Chụp cắt lớp vi tính tầm soát toàn thân	x	x		
294.	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên	x	x		
295.	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới	x	x		
	<b>D. CHỤP CỘNG HƯỞNG TỪ (Cộng hưởng từ)</b>				
	<b>1. Chụp cộng hưởng từ vùng đầu - mặt - cổ máy từ lực 0.2-1.5T</b>				
296.	Chụp cộng hưởng từ sọ não	x	x		
297.	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản	x	x		
298.	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không tiêm chất tương phản	x	x		
299.	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm chất tương phản	x	x		
300.	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản	x	x		
301.	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản	x	x		
302.	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học)	x	x		
303.	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác	x	x		
304.	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản	x	x		
305.	Chụp cộng hưởng từ tưới máu não (perfusion)	x	x		
306.	Chụp cộng hưởng từ phổ não (spect tính rography)	x	x		
307.	Chụp cộng hưởng từ các bó sợi thần kinh (tractography) hay Chụp Cộng hưởng từ khuếch tán sức căng (DTI - Diffusion Tensor Imaging)	x	x		
308.	Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion-weighted Imaging)	x	x		
309.	Chụp cộng hưởng từ đáy sọ và xương đá	x	x		
310.	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ	x	x		

311.	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ có tiêm tương phản	x	x		
312.	Chụp cộng hưởng từ sọ não chức năng	x			
	<b>2. Chụp cộng hưởng từ vùng ngực máy từ lực 0.2-1.5T</b>				
313.	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực	x	x		
314.	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
315.	Chụp cộng hưởng từ thông khí phổi (Heli)	x	x		
316.	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú	x	x		
317.	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú động học có tiêm tương phản	x	x		
318.	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến vú	x	x		
	<b>3. Chụp cộng hưởng từ vùng bụng, chậu máy từ lực 0.2-1.5T</b>				
319.	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)	x	x		
320.	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)	x	x		
321.	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)	x	x		
322.	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn	x	x		
323.	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)	x	x		
324.	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật	x	x		
325.	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật có tiêm chất tương phản	x	x		
326.	Chụp cộng hưởng từ động học sàn chậu, tổng phân (defecography-MR)	x	x		
327.	Chụp cộng hưởng từ ruột non (enteroclysis)	x	x		
328.	Chụp cộng hưởng từ nội soi ảo khung đại tràng (virtual colonoscopy)	x	x		
329.	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản	x	x		
330.	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến tiền liệt	x	x		
331.	Chụp cộng hưởng từ đánh giá bánh nhau (rau)	x	x		
332.	Chụp cộng hưởng từ thai nhi	x	x		
333.	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô	x	x		
	<b>4. Chụp Cộng hưởng từ cột sống - ống sống và xương khớp máy từ lực 0.2-1.5T</b>				
334.	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ	x	x		

335.	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản	x	x		
336.	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực	x	x		
337.	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản	x	x		
338.	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng	x	x		
339.	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản	x	x		
340.	Chụp cộng hưởng từ khớp	x	x		
341.	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch	x	x		
342.	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp	x	x		
343.	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương	x	x		
344.	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản	x	x		
345.	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi	x	x		
346.	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản	x	x		
	<b>5. Chụp cộng hưởng từ tim mạch máy từ lực 1.5T</b>				
347.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-chậu	x	x		
348.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-ngực	x	x		
349.	Chụp cộng hưởng từ động mạch vành	x	x		
350.	Chụp cộng hưởng từ tim	x	x		
351.	Chụp cộng hưởng từ tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
352.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên	x	x		
353.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên có tiêm tương phản	x	x		
354.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới	x	x		
355.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới có tiêm tương phản	x	x		
356.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi toàn thân	x	x		
357.	Chụp cộng hưởng từ động mạch toàn thân có tiêm tương phản	x	x		
358.	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch	x	x		
359.	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch có tiêm tương phản	x	x		
360.	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản không đặc hiệu	x	x		
361.	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản đặc hiệu	x	x		
	<b>6. Chụp cộng hưởng từ toàn thân và kỹ thuật đặc biệt khác máy 1.5T</b>				
362.	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn TNM	x	x		
363.	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn có tiêm tương phản	x	x		

364.	Chụp cộng hưởng từ dây thần kinh ngoại biên (neurography MR)	x	x		
365.	Chụp cộng hưởng từ tưới máu các tạng	x	x		
	<b>7. Chụp cộng hưởng từ vùng đầu - mặt - cổ máy từ lực <math>\geq 3T</math></b>				
366.	Chụp cộng hưởng từ sọ não	x	x		
367.	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản	x	x		
368.	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không tiêm chất tương phản	x	x		
369.	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm chất tương phản	x	x		
370.	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản	x	x		
371.	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản	x	x		
372.	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học)	x	x		
373.	Chụp cộng hưởng từ hóc mắt và thần kinh thị giác	x	x		
374.	Chụp cộng hưởng từ hóc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản	x	x		
375.	Chụp cộng hưởng từ tưới máu não (perfusion)	x	x		
376.	Chụp cộng hưởng từ phổ não (spect tính rography)	x	x		
377.	Chụp cộng hưởng từ các bó sợi thần kinh (tractography) hay Chụp Cộng hưởng từ khuếch tán sức căng (DTI - Diffusion Tensor Imaging)	x	x		
378.	Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion-weighted Imaging)	x	x		
379.	Chụp cộng hưởng từ đáy sọ và xương đá	x	x		
380.	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ	x	x		
381.	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt – cổ có tiêm tương phản	x	x		
382.	Chụp cộng hưởng từ sọ não chức năng	x			
	<b>8. Chụp cộng hưởng từ vùng ngực máy từ lực <math>\geq 3T</math></b>				
383.	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực	x	x		
384.	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm thuốc cản quang	x	x		
385.	Chụp cộng hưởng từ thông khí phổi (Heli)	x	x		
386.	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú	x	x		
387.	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú động học có tiêm tương phản	x	x		
388.	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến vú	x	x		
	<b>9. Chụp cộng hưởng từ vùng bụng, chậu máy từ lực <math>\geq 3T</math></b>				
389.	Chụp cộng hưởng từ tạng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)	x	x		

390.	Chụp cộng hưởng từ tăng bụng có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ gan-mật, tụy, lách, thận, dạ dày-tá tràng...)	x	x		
391.	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)	x	x		
392.	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu dò hậu môn	x	x		
393.	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ tử cung-phần phụ, tiền liệt tuyến, đại tràng chậu hông, trực tràng, các khối u vùng chậu...)	x	x		
394.	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật	x	x		
395.	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật có tiêm chất tương phản	x	x		
396.	Chụp cộng hưởng từ động học sàn chậu, tổng phân (defecography-MR)	x	x		
397.	Chụp cộng hưởng từ ruột non (enteroclysis)	x	x		
398.	Chụp cộng hưởng từ nội soi ảo khung đại tràng (virtual colonoscopy)	x	x		
399.	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản	x	x		
400.	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến tiền liệt	x	x		
401.	Chụp cộng hưởng từ đánh giá bánh nhau (rau)	x	x		
402.	Chụp cộng hưởng từ thai nhi	x	x		
403.	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô	x	x		
	<b>10. Chụp Cộng hưởng từ cột sống - ống sống và xương khớp máy từ lực <math>\geq 3T</math></b>				
404.	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ	x	x		
405.	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản	x	x		
406.	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực	x	x		
407.	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản	x	x		
408.	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng	x	x		
409.	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản	x	x		
410.	Chụp cộng hưởng từ khớp	x	x		
411.	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch	x	x		
412.	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp	x	x		
413.	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương	x	x		
414.	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản	x	x		
415.	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi	x	x		
416.	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản	x	x		

	<b>11. Chụp cộng hưởng từ tim mạch máy từ lực <math>\geq 3T</math></b>				
417.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-chậu	x	x		
418.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-ngực	x	x		
419.	Chụp cộng hưởng từ động mạch vành	x	x		
420.	Chụp cộng hưởng từ tim	x	x		
421.	Chụp cộng hưởng từ tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u)	x	x		
422.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên	x	x		
423.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên có tiêm tương phản	x	x		
424.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới	x	x		
425.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới có tiêm tương phản	x	x		
426.	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi toàn thân	x	x		
427.	Chụp cộng hưởng từ động mạch toàn thân có tiêm tương phản	x	x		
428.	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch	x	x		
429.	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch có tiêm tương phản	x	x		
430.	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản không đặc hiệu	x	x		
431.	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản đặc hiệu	x	x		
	<b>12. Chụp cộng hưởng từ toàn thân và kỹ thuật đặc biệt khác máy từ lực <math>\geq 3T</math></b>				
432.	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn TNM	x	x		
433.	Chụp cộng hưởng từ toàn thân tầm soát và đánh giá giai đoạn có tiêm tương phản	x	x		
434.	Chụp cộng hưởng từ dây thần kinh ngoại biên (neurography MR)	x	x		
435.	Chụp cộng hưởng từ tưới máu các tạng	x	x		
	<b>D. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP</b>				
	<b>1. Chụp mạch dưới Xquang tăng sáng</b>				
436.	Chụp động mạch não dưới Xquang tăng sáng	x	x		
437.	Chụp mạch vùng đầu mặt cổ dưới Xquang tăng sáng	x	x		
438.	Chụp động mạch chủ dưới Xquang tăng sáng	x	x		
439.	Chụp động mạch chậu dưới Xquang tăng sáng	x	x		
440.	Chụp động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tăng sáng	x	x		
441.	Chụp động mạch phổi dưới Xquang tăng sáng	x	x		
442.	Chụp động mạch phế quản dưới Xquang tăng sáng				
443.	Chụp động mạch tạng (gan, lách, thận, tử cung, sinh dục..) dưới Xquang tăng sáng	x	x		
444.	Chụp động mạch mạc treo dưới Xquang tăng sáng	x	x		

445.	Chụp tĩnh mạch dưới Xquang tầng sáng	x	x		
446.	Chụp tĩnh mạch lách - cửa dưới Xquang tầng sáng	x	x		
447.	Chụp tĩnh mạch chi dưới Xquang tầng sáng	x	x		
448.	Chụp động mạch các loại chọc kim trực tiếp dưới Xquang tầng sáng	x	x		
	<b>2. Chụp và can thiệp mạch dưới Xquang tầng sáng</b>				
449.	Chụp và can thiệp động mạch chủ ngực dưới Xquang tầng sáng	x	x		
450.	Chụp và can thiệp động mạch chủ bụng dưới Xquang tầng sáng	x	x		
451.	Chụp, nong và đặt Stent động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tầng sáng	x	x		
452.	Chụp và nong động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tầng sáng	x	x		
453.	Chụp và nút mạch dị dạng động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tầng sáng	x	x		
454.	Chụp và nong cầu nối động mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tầng sáng	x	x		
455.	Chụp và can thiệp tĩnh mạch chi (trên, dưới) dưới Xquang tầng sáng	x	x		
456.	Chụp và lấy máu tĩnh mạch thượng thận dưới Xquang tầng sáng	x	x		
457.	Chụp và đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới Xquang tầng sáng	x	x		
458.	Chụp và nút mạch điều trị ung thư biểu mô tế bào gan dưới Xquang tầng sáng	x	x		
459.	Chụp và nút động mạch gan dưới Xquang tầng sáng	x	x		
460.	Chụp và nút hệ tĩnh mạch cửa gan dưới Xquang tầng sáng	x	x		
461.	Chụp và nút động mạch phế quản dưới Xquang tầng sáng	x	x		
462.	Chụp và can thiệp động mạch phổi dưới Xquang tầng sáng	x	x		
463.	Chụp và can thiệp động mạch mạc treo (tràng trên, tràng dưới) dưới Xquang tầng sáng	x	x		
464.	Chụp và nút mạch điều trị u xơ tử cung dưới Xquang tầng sáng	x	x		
465.	Chụp và nút mạch điều trị lạc nội mạc trong cơ tử cung dưới Xquang tầng sáng	x	x		
466.	Chụp và nút động mạch tử cung dưới Xquang tầng sáng	x	x		
467.	Chụp và nút giãn tĩnh mạch tinh dưới Xquang tầng sáng	x	x		
468.	Chụp và nút giãn tĩnh mạch buồng trứng dưới Xquang tầng sáng	x	x		
469.	Chụp và can thiệp động mạch lách dưới Xquang tầng	x	x		



	sáng				
470.	Chụp và can thiệp mạch tá tụy dưới Xquang tăng sáng	x	x		
471.	Chụp và nút dị dạng động mạch thận dưới Xquang tăng sáng	x	x		
472.	Chụp và nút động mạch điều trị cầm máu các tạng dưới Xquang tăng sáng	x	x		
473.	Chụp và nút mạch tiền phẫu các khối u dưới Xquang tăng sáng	x	x		
474.	Chụp và nút mạch điều trị chảy máu mũi dưới Xquang tăng sáng	x	x		
475.	Chụp và nút mạch điều trị u xơ mũi họng dưới Xquang tăng sáng	x	x		
476.	Chụp và nút mạch điều trị bệnh lý dị dạng mạch vùng đầu mặt cổ và hàm mặt dưới Xquang tăng sáng	x	x		
477.	Đồ xi măng cột sống dưới Xquang tăng sáng	x	x		
478.	Tiêm phá đông khớp vai dưới Xquang tăng sáng	x	x		
479.	Điều trị tiêm giảm đau cột sống dưới Xquang tăng sáng	x	x		
480.	Điều trị tiêm giảm đau khớp dưới Xquang tăng sáng	x	x		
481.	Điều trị u xương dạng xương dưới Xquang tăng sáng	x	x		
482.	Điều trị các tổn thương xương dưới Xquang tăng sáng	x	x		
483.	Đặt công truyền hóa chất dưới da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
484.	Mở thông dạ dày qua da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
485.	Điều trị tiêm xơ trực tiếp qua da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
486.	Điều trị bơm tắc mạch trực tiếp qua da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
487.	Tháo lông ruột bằng bơm hơi hoặc thuốc cản quang dưới Xquang tăng sáng	x	x		
488.	Điều trị thoát vị đĩa đệm qua da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
489.	Dẫn lưu đường mật dưới Xquang tăng sáng	x	x		
490.	Nong đặt Stent đường mật dưới Xquang tăng sáng	x	x		
491.	Mở thông dạ dày qua da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
492.	Dẫn lưu áp xe ổ bụng dưới Xquang tăng sáng	x	x		
493.	Dẫn lưu các ổ dịch ổ bụng dưới Xquang tăng sáng	x	x		
494.	Dẫn lưu áp xe các tạng (gan, lách, thận, ruột thừa..) dưới Xquang tăng sáng	x	x		
495.	Dẫn lưu bể thận dưới Xquang tăng sáng	x	x		
496.	Đặt sonde JJ dưới Xquang tăng sáng	x	x		
497.	Nong và đặt Stent điều trị hẹp tắc vị tràng bằng điện quang can thiệp dưới Xquang tăng sáng	x	x		
498.	Can thiệp điều trị hẹp đại tràng trước và sau phẫu thuật dưới Xquang tăng sáng	x	x		

499.	Nong đặt Stent thực quản, dạ dày dưới Xquang tăng sáng	x	x		
500.	Sinh thiết trong lòng đường mật qua da dưới Xquang tăng sáng	x	x		
	<b>3. Chụp mạch số hóa xóa nền (DSA)</b>				
501.	Chụp động mạch não số hóa xóa nền	x	x		
502.	Chụp mạch vùng đầu mặt cổ số hóa xóa nền	x	x		
503.	Chụp động mạch chủ số hóa xóa nền	x	x		
504.	Chụp động mạch chậu số hóa xóa nền	x	x		
505.	Chụp động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	x	x		
506.	Chụp động mạch phổi số hóa xóa nền	x	x		
507.	Chụp động mạch phế quản số hóa xóa nền				
508.	Chụp các động mạch tủy	x	x		
509.	Chụp động mạch tạng (gan, lách, thận, tử cung, sinh dục..) số hóa xóa nền	x	x		
510.	Chụp động mạch mạc treo số hóa xóa nền	x	x		
511.	Chụp tĩnh mạch số hóa xóa nền	x	x		
512.	Chụp tĩnh mạch lách - cửa số hóa xóa nền	x	x		
513.	Chụp tĩnh mạch lách - cửa đo áp lực số hóa xóa nền	x	x		
514.	Chụp tĩnh mạch chi số hóa xóa nền	x	x		
515.	Chụp động mạch các loại chọc kim trực tiếp số hóa xóa nền	x	x		
	<b>4. Chụp và can thiệp mạch số hóa xóa nền</b>				
516.	Chụp và can thiệp mạch chủ ngực số hóa xóa nền	x	x		
517.	Chụp và can thiệp mạch chủ bụng số hóa xóa nền	x	x		
518.	Chụp và nong động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	x	x		
519.	Chụp, nong và đặt Stent động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	x	x		
520.	Chụp và nút mạch dị dạng mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	x	x		
521.	Chụp và nong cầu nối mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	x	x		
522.	Chụp và can thiệp tĩnh mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	x	x		
523.	Điều trị suy tĩnh mạch chi dưới bằng đốt sóng RF, Lazer...	x	x		
524.	Chụp và điều trị bơm thuốc tiêu sợi huyết tại chỗ mạch chi qua ống thông số hóa xóa nền	x	x		
525.	Chụp và điều trị lấy huyết khối qua ống thông điều trị tắc mạch chi số hóa xóa nền	x	x		
526.	Chụp và lấy máu tĩnh mạch tuyến thượng thận số hóa xóa nền	x	x		
527.	Chụp và đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ số hóa xóa nền	x	x		
528.	Chụp và nút mạch điều trị u gan số hóa xóa nền	x	x		
529.	Chụp và nút động mạch gan số hóa xóa nền	x	x		
530.	Chụp nút mạch điều trị ung thư gan (TACE)	x	x		

531.	Chụp và nút hệ tĩnh mạch cửa gan số hóa xóa nền	x	x		
532.	Chụp và nút động mạch phế quản số hóa xóa nền	x	x		
533.	Chụp và can thiệp mạch phổi số hóa xóa nền	x	x		
534.	Chụp và nút mạch mạc treo (tràng trên, tràng dưới) số hóa xóa nền	x	x		
535.	Chụp và nút mạch điều trị u xơ tử cung số hóa xóa nền	x	x		
536.	Chụp và nút mạch điều trị lạc nội mạch trong cơ tử cung số hóa xóa nền	x	x		
537.	Chụp và nút động mạch tử cung số hóa xóa nền	x	x		
538.	Chụp và nút giãn tĩnh mạch tinh số hóa xóa nền	x	x		
539.	Chụp và nút giãn tĩnh mạch buồng trứng số hóa xóa nền	x	x		
540.	Chụp và can thiệp mạch lách số hóa xóa nền	x	x		
541.	Chụp và can thiệp mạch tá tụy số hóa xóa nền	x	x		
542.	Chụp, nong và đặt stent động mạch mạc treo (tràng trên, tràng dưới) số hóa xóa nền	x	x		
543.	Chụp, nong và đặt Stent động mạch thận số hóa xóa nền	x	x		
544.	Chụp và nút dị dạng động mạch thận số hóa xóa nền	x	x		
545.	Chụp và nút mạch bằng hạt DC Bead gắn hóa chất điều trị u gan số hóa xóa nền	x	x		
546.	Chụp và tạo luồng thông cửa chủ qua da (TIPS) số hóa xóa nền	x	x		
547.	Chụp và điều trị giãn tĩnh mạch dạ dày số hóa xóa nền	x	x		
548.	Chụp và điều trị giãn tĩnh mạch thực quản xuyên gan qua da số hóa xóa nền	x	x		
549.	Chụp và sinh thiết gan qua tĩnh mạch trên gan số hóa xóa nền	x	x		
550.	Chụp và nút động mạch điều trị cầm máu các tạng số hóa xóa nền	x	x		
551.	Chụp và nút dị dạng mạch các tạng số hóa xóa nền	x	x		
552.	Chụp và bơm dược chất phóng xạ, hạt phóng xạ điều trị khối u số hóa xóa nền	x			
553.	Chụp và nút phình động mạch não số hóa xóa nền	x	x		
554.	Chụp và điều trị phình động mạch não bằng thay đổi dòng chảy số hóa xóa nền	x	x		
555.	Chụp và nút dị dạng thông động tĩnh mạch não số hóa xóa nền	x	x		
556.	Chụp và nút thông động mạch cảnh xoang hang số hóa xóa nền	x	x		
557.	Chụp và nút dị dạng thông động tĩnh mạch màng cứng số hóa xóa nền	x	x		
558.	Chụp và test nút động mạch não số hóa xóa nền	x	x		
559.	Chụp và nút dị dạng mạch tụy số hóa xóa nền	x	x		
560.	Chụp và nút động mạch đốt sống số hóa xóa nền	x	x		

561.	Chụp và nút mạch tiên phẫu các khối u số hóa xóa nền	x	x		
562.	Chụp, nong và đặt stent điều trị hẹp động mạch ngoài sọ (mạch cảnh, đốt sống) số hóa xóa nền	x	x		
563.	Chụp và nong hẹp động mạch nội sọ số hóa xóa nền	x	x		
564.	Chụp, nong và đặt Stent điều trị hẹp động mạch nội sọ số hóa xóa nền	x	x		
565.	Chụp và bơm thuốc tiêu sợi huyết đường động mạch điều trị tắc động mạch não cấp số hóa xóa nền	x	x		
566.	Chụp và can thiệp lấy huyết khối động mạch não số hóa xóa nền	x	x		
567.	Chụp và can thiệp các bệnh lý hệ tĩnh mạch não số hóa xóa nền	x	x		
568.	Chụp và nút mạch điều trị chảy máu mũi số hóa xóa nền	x	x		
569.	Chụp và nút mạch điều trị u xơ mũi họng số hóa xóa nền	x	x		
570.	Chụp và nút mạch điều trị bệnh lý dị dạng mạch vùng đầu mặt cổ và hàm mặt số hóa xóa nền	x	x		
571.	Chụp và lấy máu tĩnh mạch tuyến yên số hóa xóa nền	x	x		
572.	Đốt xi măng cột sống số hóa xóa nền	x	x		
573.	Tạo hình và đốt xi măng cột sống (kyphoplasty)	x	x		
574.	Tiêm phá đông khớp vai số hóa xóa nền	x	x		
575.	Điều trị tiêm giảm đau cột sống số hóa xóa nền	x	x		
576.	Điều trị tiêm giảm đau khớp số hóa xóa nền	x	x		
577.	Điều trị u xương dạng xương số hóa xóa nền	x	x		
578.	Điều trị các tổn thương xương số hóa xóa nền	x	x		
579.	Điều trị các khối u tạng (thận, lách, tụy...) số hóa xóa nền	x	x		
580.	Đốt sóng cao tần điều trị các khối u số hóa xóa nền	x	x		
581.	Đặt công truyền hóa chất dưới da số hóa xóa nền	x	x		
582.	Mở thông dạ dày qua da số hóa xóa nền	x	x		
583.	Đốt sóng cao tần điều trị suy giãn tĩnh mạch số hóa xóa nền	x	x		
584.	Điều trị tiêm xơ trực tiếp qua da số hóa xóa nền	x	x		
585.	Điều trị bơm tắc mạch trực tiếp qua da số hóa xóa nền	x	x		
586.	Điều trị thoát vị đĩa đệm qua da số hóa xóa nền	x	x		
587.	Dẫn lưu đường mật số hóa xóa nền	x	x		
588.	Nong đặt Stent đường mật số hóa xóa nền	x	x		
589.	Mở thông dạ dày qua da số hóa xóa nền	x	x		
590.	Dẫn lưu áp xe ngực/bụng số hóa xóa nền	x	x		
591.	Dẫn lưu các ổ dịch ngực/bụng số hóa xóa nền	x	x		
592.	Dẫn lưu áp xe các tạng (gan, lách, thận, ruột thừa..) số hóa xóa nền	x	x		
593.	Dẫn lưu bể thận số hóa xóa nền	x	x		
594.	Đặt sonde JJ số hóa xóa nền	x	x		

595.	Nong và đặt Stent điều trị hẹp tắc vị tràng số hóa xóa nền	x	x		
596.	Nong điều trị hẹp tắc vị tràng số hóa xóa nền	x	x		
597.	Can thiệp điều trị hẹp đại tràng trước và sau phẫu thuật số hóa xóa nền	x	x		
598.	Nong đặt Stent thực quản, dạ dày số hóa xóa nền	x	x		
599.	Sinh thiết trong lòng đường mật qua da số hóa xóa nền	x	x		
600.	Diệt hạch điều trị đau dây V số hóa xóa nền	x	x		
	<b>5. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn siêu âm</b>				
601.	Đốt sóng cao tần điều trị u gan dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
602.	Đốt sóng cao tần điều trị các u tạng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
603.	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
604.	Sinh thiết gan ghép dưới hướng dẫn siêu âm	x			
605.	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
606.	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
607.	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
608.	Sinh thiết thận ghép dưới hướng dẫn siêu âm	x			
609.	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
610.	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
611.	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
612.	Sinh thiết các tạng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
613.	Sinh thiết tiền liệt tuyến qua trực tràng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
614.	Đốt sóng cao tần điều trị ung thư gan (RFA) dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
615.	Chích đốt Laser dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
616.	Bơm Ethanol trực tiếp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
617.	Tiêm xơ khối u dưới hướng dẫn của siêu âm	x			
618.	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
619.	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
620.	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
621.	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
622.	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x	x	
623.	Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
624.	Chọc hút nang, tiêm xơ dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
625.	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
626.	Chọc ối dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
627.	Chọc hút, sinh thiết khối u trung thất qua siêu âm thực quản	x	x		
628.	Chọc hút dịch màng tin dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
629.	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
630.	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
631.	Chọc mạch máu dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		

632.	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm	x	x		
633.	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x		
	<b>6. Sinh thiết, chọc hút và điều trị dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính</b>				
634.	Đốt sóng cao tần điều trị u gan dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	x	x		
635.	Đốt sóng cao tần điều trị các u tạng dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	x	x		
636.	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới cắt lớp vi tính	x	x		
637.	Sinh thiết trung thất dưới cắt lớp vi tính	x	x		
638.	Sinh thiết gan dưới cắt lớp vi tính	x	x		
639.	Sinh thiết thận dưới cắt lớp vi tính	x	x		
640.	Sinh thiết lách dưới cắt lớp vi tính	x	x		
641.	Sinh thiết tụy dưới cắt lớp vi tính	x	x		
642.	Sinh thiết gan ghép dưới cắt lớp vi tính	x			
643.	Sinh thiết thận ghép dưới cắt lớp vi tính	x			
644.	Sinh thiết xương dưới cắt lớp vi tính	x	x		
645.	Sinh thiết cột sống dưới cắt lớp vi tính	x	x		
646.	Sinh thiết não dưới cắt lớp vi tính	x	x		
647.	Sinh thiết phần mềm dưới cắt lớp vi tính	x	x		
648.	Sinh thiết tạng hay khối ổ bụng dưới cắt lớp vi tính	x	x		
649.	Chọc hút ổ dịch/áp xe não dưới cắt lớp vi tính	x	x		
650.	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	x	x		
651.	Chọc hút hạch hoặc u dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	x	x		
652.	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	x	x		
653.	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn cắt lớp bi tính	x	x		
	<b>7. Can thiệp dưới cộng hưởng từ</b>				
654.	Sinh thiết các tạng dưới cộng hưởng từ	x			
655.	Sinh thiết vú dưới cộng hưởng từ	x			
656.	Sinh thiết não dưới cộng hưởng từ	x			
	<b>8. Điện quang tim mạch</b>				
657.	Chụp động mạch vành	x	x		
658.	Chụp, nong động mạch vành bằng bóng	x	x		
659.	Chụp, nong và đặt stent động mạch vành	x	x		
660.	Sinh thiết cơ tim	x	x		
661.	Thông tim ống lớn	x	x		
662.	Nong van hai lá	x	x		
663.	Nong van động mạch chủ	x	x		
664.	Nong van động mạch phổi	x	x		
665.	Bít thông liên nhĩ	x	x		
666.	Bít thông liên thất	x	x		
667.	Bít ống động mạch	x	x		
668.	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng cao tần	x	x		

669.	Đặt máy tạo nhịp	x	x		
670.	Đặt máy tạo nhịp phá rung	x	x		
671.	Thăm dò điện sinh lý trong buồng tim	x	x		
672.	Chụp nong động mạch ngoại biên bằng bóng	x	x		
673.	Chụp, nong động mạch và đặt stent	x	x		
674.	Bít ống động mạch	x	x		
675.	Đặt stent động mạch chủ	x			